

**CÔNG TY CỔ PHẦN
DƯỢC TH PHARMA**

Số 36/2021/DTH-KD

V/v kê khai giá hàng hóa, dịch vụ
bán trong nước

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hóa, ngày 01 tháng 11 năm 2021

Kính gửi: Sở Công Thương Thanh Hóa

Thực hiện Thông tư số 08/2017/TT-BCT ngày 26/6/2017 của Bộ Công Thương quy định về đăng ký giá, kê khai giá sữa và thực phẩm chức năng dành cho trẻ em dưới 06 tuổi.

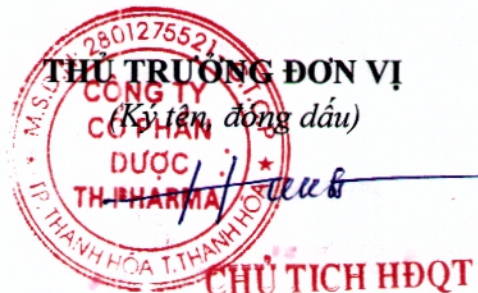
Công ty Cổ phần Dược TH Pharma xin gửi Bảng kê khai mức giá hàng hoá, dịch vụ bán trong nước (đính kèm).

Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 05/11/2021

Công ty Cổ phần Dược TH Pharma xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của mức giá mà chúng tôi đã kê khai./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:



CHỦ TỊCH HĐQT
Trịnh Đăng Hùng

- Họ tên người nộp Biểu mẫu: Trịnh Đăng Hùng
- Địa chỉ đơn vị thực hiện kê khai: Lô 04 khu công nghiệp Tây bắc ga, phường Đông Thọ, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam
- Số điện thoại liên lạc: 0903220367
- Email: dshungth@gmail.com
- Số fax:

**Ghi nhận ngày nộp Văn bản kê khai giá
của cơ quan tiếp nhận**

(Cơ quan tiếp nhận Biểu mẫu kê khai giá ghi ngày, tháng, năm nhận được Biểu mẫu kê khai giá và đóng dấu công văn đến)

SỞ CÔNG THƯƠNG	
ĐẾN	Số: 03/11/2021
	Ngày: 12/11
Chuyên:
Lưu hồ sơ số:

Thanh Hóa, ngày 01 tháng 11 năm 2021

BẢNG KÊ KHAI MỨC GIÁ

(Kèm theo công văn số 36/2021/DTH-KD ngày 01 tháng 11 năm 2021 của Công ty Cổ phần Dược TH Pharma)

1. Mức giá kê khai (bán buôn, bán lẻ): Bán buôn, bán lẻ
2. Các mức giá tại các địa bàn, khu vực khác nhau (nếu có): Công ty không áp dụng các mức giá khác nhau tại các địa bàn và khu vực khác nhau

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Quy cách, chất lượng	Đơn vị tính	Mức giá kê khai Bán buôn	Mức giá kê khai bán lẻ khuyến nghị	Mức tăng/giảm	Tỷ lệ tăng/giảm	Ghi chú
1	Thực phẩm bảo vệ sức khỏe Biolyzinc	Hộp 10 lọ x 20ml	Hộp	200.000	230.000			

2. Phân tích nguyên nhân, nêu rõ biến động của các yếu tố hình thành giá tác động làm tăng hoặc giảm giá hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá.

.....
.....
.....

3. Ghi rõ các chính sách và mức khuyến mại, giảm giá hoặc chiết khấu đối với các đối tượng khách hàng, các điều kiện vận chuyển, giao hàng, bán hàng kèm theo mức giá kê khai (nếu có).

- Chính sách khuyến mại, giảm giá: Công ty chưa áp dụng chính sách khuyến mại, giảm giá. Khi nào công ty thực hiện chính sách khuyến mại, giảm giá; công ty cam kết thực hiện đúng theo quy định của Nhà Nước.

- Chính sách chiết khấu: Công ty thực hiện chính sách chiết khấu cho các nhà phân phối 15,00%.

- Chính sách vận chuyển, giao hàng, bán hàng:

Công ty vận chuyển trực tiếp hàng hóa tới kho của bệnh viện và nhà thuốc trên toàn quốc (sau khi có hợp đồng mua bán), toàn bộ chi phí vận chuyển sẽ do công ty chịu trách nhiệm.

Công ty cam kết giao đúng, đủ hàng hóa theo hợp đồng đã ký với đối tác. Trường hợp hàng hóa hỏng và hàng cận hạn sử dụng sẽ do bên mua chịu trách nhiệm.

Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày **05/11/2021**

Ghi chú:

Mức giá kê khai là mức giá bán dự kiến đã trừ chiết khấu, giảm giá (nếu có) đã bao gồm thuế giá trị gia tăng cho 01 đơn vị sản phẩm. Trường hợp lần đầu thực hiện kê khai giá với cơ quan quản lý nhà nước về giá đối với sản phẩm mới thì gửi kèm theo Bảng xây dựng hình thành mức giá bán hàng hóa, dịch vụ.

Thương nhân sản xuất, nhập khẩu kê khai giá bán lẻ khuyến nghị cùng với giá bán buôn thực tế của doanh nghiệp.

**CÔNG TY CỔ PHẦN
DƯỢC TH PHARMA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thanh Hóa, ngày 01 tháng 11 năm 2021

**BẢNG XÂY DỰNG HÌNH THÀNH MỨC GIÁ BÁN
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ**

(Kèm theo công văn số 36/2021/DTH-KD ngày 01 tháng 11 năm 2021 của Công ty Cổ phần Dược TH Pharma)

(Đối với mặt hàng sản xuất trong nước)

Tên hàng hóa, dịch vụ: Thực phẩm bảo vệ sức khỏe Biolyzinc

Đơn vị sản xuất, kinh doanh: Công ty Cổ phần Dược TH Pharma

Quy cách đóng gói: Hộp 10 lọ x 20ml

Đối tượng sử dụng: Trẻ em chậm lớn, còi xương, hấp thu kém. Người làm việc nặng nhọc, vận động thể lực nhiều, người mới ốm dậy, người già, người sút cân, cơ thể suy nhược. Phụ nữ mang thai và thời kỳ cho con bú.

Quy cách phẩm chất: Một số chỉ tiêu chất lượng chủ yếu quan trọng của sản phẩm như sau: Thành phần dinh dưỡng trong 1 lọ: Hàm lượng Acid aspartic $45,4 \pm 25\%$ mg/20ml, Hàm lượng Acid glutamic $15,4 \pm 25\%$ mg/20ml, Hàm lượng Alanin $39,5 \pm 25\%$ mg/20ml, Hàm lượng Arginin $27,6 \pm 25\%$ mg/20ml, Hàm lượng Cystin $2,72 \pm 25\%$ mg/20ml, Hàm lượng Glycin $20,1 \pm 25\%$ mg/20ml, Hàm lượng Histidin $8,96 \pm 25\%$ mg/20ml, Hàm lượng Isoleucin $28,5 \pm 25\%$ mg/20ml, Hàm lượng Leucin $36,1 \pm 25\%$ mg/20ml, Hàm lượng Methionin $0,42 \pm 25\%$ mg/20ml, Hàm lượng Phenylalanin $19,3 \pm 25\%$ mg/20ml, Hàm lượng Prolin $26,1 \pm 25\%$ mg/20ml, Hàm lượng Serin $11,4 \pm 25\%$ mg/20ml, Hàm lượng Threonin $94,5 \pm 25\%$ mg/20ml, Hàm lượng Tyrossin $15,4 \pm 25\%$ mg/20ml, Hàm lượng Valin $29,5 \pm 25\%$ mg/20ml, Định lượng Lysin hydroclorid 240-360 mg/20ml, Định lượng Nitơ amin toàn phần 0,51-0,69 %(kl/tt), Định lượng Kẽm 0,34-0,52 mg/20ml

Điều kiện bán hàng hoặc giao hàng:

Chính sách khuyến mại, giảm giá: Công ty chưa áp dụng chính sách khuyến mại, giảm giá. Khi nào công ty thực hiện chính sách khuyến mại, giảm giá; công ty cam kết thực hiện đúng theo quy định của Nhà Nước.

Chính sách chiết khấu cho các đối tượng khách hàng: Công ty thực hiện chính sách chiết khấu cho các nhà phân phối 15,00%.

Chính sách vận chuyển, giao hàng, bán hàng:

Công ty vận chuyển trực tiếp hàng hóa tới kho của bệnh viện và nhà thuốc trên toàn quốc (sau khi có hợp đồng mua bán), toàn bộ chi phí vận chuyển sẽ do công ty chịu trách nhiệm.

Công ty cam kết giao đúng, đủ hàng hóa theo hợp đồng đã ký với đối tác. Trường hợp hàng hóa hỏng và hàng cận hạn sử dụng sẽ do bên mua chịu trách nhiệm.

I. BẢNG TỔNG HỢP TÍNH GIÁ VỐN, GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ

Số TT	Khoản mục chi phí	ĐVT	lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Chi phí sản xuất:				
1.1	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	Hộp	1	77.500	77.500
1.2	Chi phí nhân công trực tiếp	Hộp	1	15.000	15.000
1.3	Chi phí sản xuất chung:	Hộp	1	15.000	15.000
a	<i>Chi phí nhân viên phân xưởng</i>	Hộp	1	7.000	7.000
b	<i>Chi phí vật liệu</i>	Hộp	1	3.000	3.000
c	<i>Chi phí dụng cụ sản xuất</i>	Hộp	1	2.000	2.000
d	<i>Chi phí khấu hao TSCĐ</i>	Hộp	1	3.000	3.000
đ	<i>Chi phí dịch vụ mua ngoài</i>	Hộp	1	16.700	16.700
e	<i>Chi phí bằng tiền khác</i>				
	Tổng chi phí sản xuất :	Hộp	1	139.200	139.200
2	Chi phí bán hàng	Hộp	1	3.500	3.500
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	Hộp	1	5.000	5.000
4	Chi phí tài chính	Hộp	1	4.800	4.800
	Tổng giá thành toàn bộ	Hộp	1	152.500	152.500
5	Lợi nhuận dự kiến	Hộp	1	29.318	29.318
	Giá bán chưa thuế	Hộp	1	181.818	181.818
6	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)				
7	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)	Hộp	1	18.182	18.182
	Giá bán (đã có thuế)	Hộp	1	200.000	200.000

II. GIẢI TRÌNH CHI TIẾT CÁCH TÍNH CÁC KHOẢN MỤC CHI PHÍ CHO MỘT ĐƠN VỊ SẢN PHẨM HÀNG HÓA

1. Chi phí sản xuất:

Công ty trực tiếp sản xuất tại Công ty cổ phần dược TH Pharma– Địa chỉ: Lô 04 khu công nghiệp Tây bắc ga, phường Đông Thọ, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam đã được Bộ Y Tế cấp chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

2. Chi phí bán hàng:

- Chi phí nhân viên: bao gồm: tiền lương, thưởng, tiền ăn trưa, tiền công và các khoản trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn

- Chi phí dụng cụ, đồ dùng: bao gồm: công cụ, dụng cụ phục vụ cho quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa như Chi phí đi lại, chi phí mua phương tiện vận tải, chi phí mua phần mềm bán hàng....

- Chi phí dịch vụ mua ngoài: bao gồm:

+ Chi phí thuê kho, thuê bãi, tiền thuê bốc vác, vận chuyển sản phẩm, hàng hóa đi bán:

- Chi phí khác: bao gồm: chi phí tiếp khách ở bộ phận bán hàng ...

- Các khoản thưởng doanh số cho nhân viên, thưởng doanh số bán hàng cho khách hàng, các khoản hỗ trợ bán hàng khác như hỗ trợ date hạn sản phẩm, hỗ trợ trưng bày...theo quy định

3. Chi phí quản lý doanh nghiệp:

- Chi phí nhân viên quản lý: bao gồm: tiền lương, các khoản phụ cấp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp.....

- Chi phí đồ dùng văn phòng, văn phòng phẩm:

- Dịch vụ mua ngoài: bao gồm: điện, nước, điện thoại, fax...

- Chi phí khác: bao gồm: tiếp khách, hội nghị khách hàng

4. Chi phí tài chính: Bao gồm:

- Chi phí lãi vay ngắn hạn

- Chi phí tài chính = $3,448\% \times 139.200 = 4.800$ VNĐ

5. Lợi nhuận dự kiến: /Tổng giá thành toàn bộ 01 đơn vị sản phẩm = $19,225\% \times 152.500 = 29.318$ VNĐ

6. Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)

7. Thuế giá trị gia tăng (nếu có): $10\% / \text{giá bán chưa thuế} = 10\% \times 181.818 = 18.182$ VNĐ

8. Giá bán (đã có thuế): Giá thành toàn bộ + lợi nhuận dự kiến + thuế GTGT = $152.500 + 29.318 + 18.182 = 200.000$ VNĐ

III. Giải trình chi tiết cách tính các khoản mục chi phí cho một đơn vị sản phẩm bán lẻ hàng hóa

STT	Khoản mục chi phí	ĐVT	SL	Đơn giá	Thành tiền
1	Giá vốn hàng hóa	Hộp	1	181.818	181.818
2	Chi phí bán hàng	Hộp	1	4.000	4.000
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	Hộp	1	6.000	6.000
4	Lợi nhuận dự kiến	Hộp	1	17.273	17.273
5	Thuế giá trị gia tăng (10%)	Hộp	1	20.909	20.909
6	Giá bán (đã có thuế)	Hộp	1	230.000	230.000

1. Giá vốn mua hàng: là giá các nhà phân phối, đại lý mua từ nhà sản xuất bằng giá bán buôn đăng ký chưa VAT
2. Chi phí bán hàng: Là các chi phí chiết khấu, hoa hồng, nhà phân phối, đại lý, tiền lương nhân viên bán hàng, nhân viên marketing, chi phí vận chuyển,..
3. Chi phí quản lý doanh nghiệp: chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, bảo hiểm, các khoản phụ cấp..) Chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, bảo hiểm tài sản...) và các chi phí khác phát sinh qua các khâu phân phối tới người tiêu dùng cuối cùng .
4. Lợi nhuận dự kiến: Chiếm 9,005%
5. Thuế GTGT: 10%

Nơi nhận:

- Sở Công Thương Thanh Hóa;
- Lưu VP:

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



CHỦ TỊCH HĐQT

Linh Đăng Hùng